Chi tiết mã HS 9505.90.00

Mã HS	9505.90.00
Mô tả hàng hóa	Đồ dùng trong lễ hội, hội hóa trang hoặc trong các trò chơi giải trí khác, kể cả các mặt hàng dùng cho trò chơi ảo thuật và trò vui cười / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	19/11/2026 04:17:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/95059000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18773
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18773
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18773
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	27	27%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18046
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17975
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17975
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17975
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17975
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17975
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17975
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E18031
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18031

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18031
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18031
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18031
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18031
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E18032
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F18032
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18032
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18032
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18032
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18032
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18037
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17994
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F17989
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G17989
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H17989
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I17989
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J17989
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K17989
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18037
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18037
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18037
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18037
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18037
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18037
VCFTA	2022	2022	34	VC!D18101
VCFTA	2023	2023	34	VC!E18101

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	27	VC!F18101
VCFTA	2025	2025	27	VC!G18101
VCFTA	2026	2026	27	VC!H18101
VCFTA	2027	2027	27	VC!I18101
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18075
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18075
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18075
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18075
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18075
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18075
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18068
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18068
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18068
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18068
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18068
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18068
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18098
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18098
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18098
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18098
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18098
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18098
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18097
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18097
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18097
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18097

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18097
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18097
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18191
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18191
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18191
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18191
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18191
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18191
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18191
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18062
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18062
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18062
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18062
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18062
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18062
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18062
RCEP B	2023	2023	20	B!E18062
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18062
RCEP B	2025	2025	15	B!G18062
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18062
RCEP B	2027	2027	10	B!I18062
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18060
RCEP C	2023	2023	20	C!E18060
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18060
RCEP C	2025	2025	15	C!G18060
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I18060
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18059
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18059
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18059
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18059
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18059
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18059
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18064
RCEP E	2023	2023	20	E!E18064
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18064
RCEP E	2025	2025	15	E!G18064
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18064
RCEP E	2027	2027	10	E!I18064
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18062
RCEP F	2023	2023	20	F!E18062
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18062
RCEP F	2025	2025	15	F!G18062
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18062
RCEP F	2027	2027	10	F!I18062
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F16935
VIFTA	2025	2025	20	VI!G16935
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H16935
VIFTA	2027	2027	15	VI!I16935

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VCFTA 27%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9505.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9505.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18773), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.